



yì qǐ
一起

Adverb · together

Example Sentences

wǒ men yì qǐ chī fàn
我们 一起吃饭。

We eat together.

qǐng gè wèi yì qǐ tāo lùn zhè ge wèn tí
请 各位 一起讨论 这个问题。

Please discuss this issue together, everyone.

tā men jīn tiān bù yì qǐ gōng zuò
他们 今天 不一起 工作。

They are not working together today.

Trace each character, then write the word on your own.

一	一	一	一																	
起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起
起	起																			